

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định giá tính thuế đối với tài nguyên  
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên; Thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên và Thông tư số 174/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 4, Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;*

*Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng*



Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định giá tính thuế đối với tài nguyên và định mức sử dụng tài nguyên làm căn cứ quy đổi từ sản phẩm tài nguyên hoặc sản phẩm công nghiệp ra sản lượng tài nguyên khai thác có trong sản phẩm tài nguyên và sản phẩm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

#### 2. Đối tượng áp dụng:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, cơ quan Thuế các cấp và các cơ quan khác có liên quan;

b) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp thuế tài nguyên theo quy định.

### Điều 2. Giá tính thuế đối với tài nguyên

#### 1. Giá tính thuế:

Mã, nhóm loại tài nguyên					Tên nhóm, loại tài nguyên	Đơn vị tính	Giá tính thuế tài nguyên
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5			
II					<b>Khoáng sản không kim loại</b>		
	II1				Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	Đồng/m <sup>3</sup>	50.000
	II5				<b>Cát</b>		
		II501			Cát san lấp (bao gồm cả cát nhiễm mặn)	Đồng/m <sup>3</sup>	60.000
	II7				Đất làm gạch, ngói	Đồng/m <sup>3</sup>	120.000
V					<b>Nước thiên nhiên</b>		
	V1				<b>Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp</b>		
		V101			<b>Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên đóng chai, đóng hộp</b>		



Mã, nhóm loại tài nguyên					Tên nhóm, loại tài nguyên	Đơn vị tính	Giá tính thuế tài nguyên
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5			
			V10101		Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên dùng để đóng chai, đóng hộp chất lượng trung bình (so với tiêu chuẩn đóng chai phải lọc bỏ một số hợp chất để hợp quy với Bộ Y tế)	Đồng/m <sup>3</sup>	200.000
		V102			<b>Nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp</b>		
			V10201		Nước thiên nhiên khai thác tinh lọc đóng chai, đóng hộp	Đồng/m <sup>3</sup>	100.000
			V10202		Nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp	Đồng/m <sup>3</sup>	500.000
	V2				<b>Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất kinh doanh nước sạch</b>		
		V201			Nước mặt	Đồng/m <sup>3</sup>	2.000
		V202			Nước dưới đất (nước ngầm)	Đồng/m <sup>3</sup>	4.000
	V3				<b>Nước thiên nhiên dùng cho mục đích khác</b>		
		V301			Nước thiên nhiên dùng trong sản xuất rượu, bia, nước giải khát, nước đá	Đồng/m <sup>3</sup>	40.000
		V303			Nước thiên nhiên dùng cho mục đích khác như làm mát, vệ sinh công nghiệp, xây dựng, sản xuất phi nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc,...	Đồng/m <sup>3</sup>	3.000

2. Giá tính thuế đối với tài nguyên quy định tại khoản 1 Điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và chi phí vận chuyển.

3. Các tài nguyên khác nếu có phát sinh khai thác trên địa bàn tỉnh Tiền Giang chưa được quy định tại Quyết định này thì áp dụng giá tính thuế tài



nguyên tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

### **Điều 3. Định mức sử dụng tài nguyên**

#### 1. Định mức sử dụng tài nguyên:

<b>Mã, nhóm loại tài nguyên</b>					<b>Tên nhóm, loại tài nguyên</b>	<b>Định mức quy đổi trung bình từ tài nguyên thành phẩm về tài nguyên nguyên khai</b>	<b>Định mức quy đổi trung bình từ tài nguyên nguyên khai thành phẩm</b>
<b>Cấp 1</b>	<b>Cấp 2</b>	<b>Cấp 3</b>	<b>Cấp 4</b>	<b>Cấp 5</b>			
<b>II</b>					<b>Khoáng sản không kim loại</b>		
	<b>II7</b>				Đất làm gạch, ngói		
					- Gạch 4 lỗ (8 x 8 x 18) cm	700 viên	1 m <sup>3</sup>
					- Gạch thẻ 2 lỗ (8 x 4 x 18) cm	1.000 viên	1 m <sup>3</sup>
<b>V</b>					<b>Nước thiên nhiên</b>		
	<b>V1</b>				<b>Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp</b>		
		<b>V101</b>			<b>Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên đóng chai, đóng hộp</b>		
			<b>V10101</b>		Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên dùng để đóng chai, đóng hộp chất lượng trung bình (so với tiêu chuẩn đóng chai phải lọc bỏ một số hợp chất để hợp quy với Bộ Y tế)	1 lít	1,3 lít



Mã, nhóm loại tài nguyên					Tên nhóm, loại tài nguyên	Định mức quy đổi trung bình từ tài nguyên thành phẩm về tài nguyên nguyên khai	Định mức quy đổi trung bình từ tài nguyên nguyên khai về tài nguyên thành phẩm
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5			
	V2				Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất kinh doanh nước sạch	1 m <sup>3</sup>	1,2 m <sup>3</sup>

2. Định mức sử dụng tài nguyên quy định tại khoản 1 Điều này làm căn cứ quy đổi từ sản phẩm tài nguyên hoặc sản phẩm công nghiệp ra sản lượng tài nguyên khai thác có trong sản phẩm tài nguyên hoặc sản phẩm công nghiệp của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh đối với tài nguyên không xác định được số lượng, trọng lượng hoặc khối lượng khai thác thực tế.

#### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2021.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định về giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *luân*

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- VP: CVP và các PCVP,  
Các phòng NC, Phòng KT (Tâm, Luân),  
Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh,  
Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, (Tú), *11*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trần Văn Dũng*